

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2017/KDTM-ST

Ngày: 31-8-2017

V/v: “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh
toán trong hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn
2. Bà Trần Thị Ngọc Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hạ Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên
tòa:** Bà Huỳnh Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2017/TLST-KDTM ngày 20 tháng 3 năm 2017 về “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng cấp thẻ tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2017/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Địa chỉ: Số 266-268, đường N, Phường 8, Quận 3, Thành phố H

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Bà Nguyễn Đức Thạch D, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S).

- Ông Nguyễn Vũ Hoàng C; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh Q, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo giấy ủy quyền số 2320/2017/GUQ-PL&TT ngày 07-8-2017).

- Ông Nguyễn Vũ Hoàng C ủy quyền lại cho:

+ Ông Trần Thanh H; chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro (theo giấy ủy quyền số 42/2017/GUQ-QNI ngày 07-8-2017). Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Bà Nguyễn Thị T; chức vụ: Phó Trưởng phòng kiểm soát rủi ro (theo giấy ủy quyền số 43/2017/GUQ-QNI ngày 31-8-2017). Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Tịnh N, sinh năm 1971; ông Tạ Ngọc V, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Số 139, Đường N, Tổ 3, Phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Bà N có mặt tại phiên tòa, ông V vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02-3-2017 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh Q và vợ chồng ông Tạ Ngọc V, bà Võ Thị Tịnh N có ký kết 02 hợp đồng cho vay, cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay số: 01/LD1523000219, số tiền vay là 150.000.000đồng, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 60 tháng, ngày vay là 18-8-2015, ngày đáo hạn là 19-8-2020, phương thức trả nợ là gốc, lãi trả hàng tháng.

- Hợp đồng cho vay số: 02/LD1523000219, số tiền vay là 50.000.000đồng, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 60 tháng, ngày vay là 25-01-2016, ngày đáo hạn là 25-01-2021, phương thức trả nợ là gốc, lãi trả hàng tháng.

Ngoài ra, ngày 26-01-2016 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh Q và bà Võ Thị Tịnh N còn ký kết 01 hợp đồng cấp thẻ tín dụng, với hạn mức tín dụng là 20.000.000đồng.

Tài sản bảo đảm cho các hợp đồng nêu trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 1500, tờ bản đồ số 08, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BV 302115, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH06040, do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 19-12-2014 cho ông Tạ Ngọc V, bà Võ Thị Tịnh N, tại địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Việc thế chấp đã được Văn phòng công chứng Thủy Tùng chứng nhận ngày 18-8-2015, số công chứng 3684, quyền số 12 TP/CC-SCC/HĐGD, đồng thời tài sản này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19-8-2015 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, Chi nhánh huyện T.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh Q đã giải ngân cho ông Tạ Ngọc V, bà Võ Thị Tịnh N nhận đủ số tiền vay theo các hợp đồng cho vay nói trên; đối với hợp đồng cấp thẻ tín dụng, chủ thẻ bà Võ Thị Tịnh N đã thực hiện giao dịch 02 lần với tổng số tiền là 19.500.000đồng. Tuy nhiên, trong quá trình trả nợ vay, vợ chồng ông V, bà N thường xuyên vi phạm hợp đồng, việc trả nợ cho Ngân hàng thường trễ hạn. Đến nay vợ chồng ông V, bà N không còn khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng đã chủ động liên hệ với ông V, bà N để bàn về hướng xử lý khoản nợ trước khi chuyển nợ quá hạn, cũng như sau khi phát sinh nợ quá hạn. Vợ chồng ông V, bà N có nhiều lần cam kết trả nợ cho Ngân hàng nhưng đến nay vẫn không thực hiện đúng như cam kết.

Do đó, ngày 02-3-2017 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Tạ Ngọc V, bà Võ Thị Tịnh N phải thanh toán cho

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền còn nợ của 03 hợp đồng nêu trên (tạm tính đến ngày 20-02-2017) là 179.712.206đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu ông Tạ Ngọc V, bà Võ Thị Tịnh N phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền là: 190.395.207đồng, trong đó:

- Khoản nợ theo hợp đồng cho vay số 01/LD1523000219 ngày 18-8-2015 là 124.675.673đồng (gồm: nợ gốc 113.767.563đồng, lãi trong hạn 8.692.667đồng, lãi quá hạn 2.215.443đồng);

- Khoản nợ theo hợp đồng cho vay số 02/LD1523000219 ngày 25-01-2016 là 45.779.579đồng (gồm: nợ gốc 41.660.000đồng, lãi trong hạn 3.385.462đồng, lãi quá hạn 734.117đồng);

- Khoản nợ theo hợp đồng cấp thẻ tín dụng là 19.939.955đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu ông Tạ Ngọc V, bà Võ Thị Tịnh N phải tiếp tục trả tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng cho vay, hợp đồng cấp thẻ tín dụng cho đến khi ông V, bà N trả hết nợ cho Ngân hàng, đồng thời yêu cầu Tòa án ra phán quyết xử lý tài sản bảo đảm của ông Tạ Ngọc V, bà Võ Thị Tịnh N để thu hồi nợ trong trường hợp ông V, bà N không trả được nợ cho Ngân hàng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Tạ Ngọc V, bà Võ Thị Tịnh N nhưng ông V, bà N không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo được quyền lợi của các đương sự trong vụ án, phiên tòa sơ thẩm được tiến hành công khai, dân chủ. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt trong các phiên hòa giải, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, buộc bị đơn ông Tạ Ngọc V, bà Võ Thị Tịnh N phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền là 190.395.207đồng, trong đó:

- Khoản nợ theo hợp đồng cho vay số 01/LD1523000219 ngày 18-8-2015 là 124.675.673đồng (gồm: nợ gốc 113.767.563đồng, lãi trong hạn 8.692.667đồng, lãi quá hạn 2.215.443đồng);

- Khoản nợ theo hợp đồng cho vay số 02/LD1523000219 ngày 25-01-2016 là 45.779.579đồng (gồm: nợ gốc 41.660.000đồng, lãi trong hạn 3.385.462đồng, lãi quá hạn 734.117đồng);

- Khoản nợ theo hợp đồng cấp thẻ tín dụng là 19.939.955đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Khi giao dịch vay tiền với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh Q thì ông Tạ Ngọc V, bà Võ Thị Tịnh N có địa chỉ nơi cư trú tại Tổ 3, Phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình trả nợ vay cho Ngân hàng thì ông V, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, sau đó ông V, bà N thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S biết theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự. Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện vụ án “Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng cấp thẻ tín dụng” tại Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi và Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án (gồm: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập làm việc; thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa) cho bị đơn ông Tạ Ngọc V, bà Võ Thị Tịnh N nhưng ông V, bà N không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không đến Tòa án làm việc. Tại phiên tòa lần thứ hai, bà N có mặt, ông V vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt bị đơn ông Tạ Ngọc V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nghĩa vụ thanh toán:

[2.1] Do bị đơn ông Tạ Ngọc V không có mặt theo triệu tập của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên ông V phải chịu hậu quả pháp lý theo những nội dung mà ông V, bà N đã cam kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh Q trong các hợp cho vay và hợp đồng thế chấp. Tại phiên tòa, bà Võ Thị Tịnh N thừa nhận đến ngày 31-8-2017 vợ chồng bà còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền là 190.395.207đồng và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, nhưng bà N xin Ngân hàng xem xét không yêu cầu tiền lãi quá hạn vì hoàn cảnh của vợ chồng bà hiện nay rất khó khăn.

[2.2] Theo trình bày của nguyên đơn trong quá trình tố tụng tại Tòa án, ý kiến của bị đơn bà Võ Thị Tịnh N tại phiên tòa và theo các tài liệu, chứng cứ có

trong hồ sơ vụ án thể hiện: Giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh Q và ông Tạ Ngọc V, bà Võ Thị Tịnh N có ký kết 02 hợp đồng cho vay có thời hạn 60 tháng, gồm: Hợp đồng cho vay số 01/LD1523000219 ngày 18-8-2015, với số tiền vay là 150.000.000đồng và hợp đồng cho vay số 02/LD1523000219 ngày 25-01-2016, với số tiền vay là 50.000.000đồng. Ngoài ra, ngày 26-01-2016 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh Q và bà Võ Thị Tịnh N còn ký kết 01 hợp đồng cấp thẻ tín dụng hạn mức 20.000.000đồng.

[2.3] Sau khi ký kết các hợp đồng nói trên, ngày 19-8-2015, 20-8-2015 và 25-01-2016 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh Q đã giải ngân cho ông Tạ Ngọc V, bà Võ Thị Tịnh N nhận đủ số tiền vay theo các hợp đồng cho vay (thể hiện trong giấy nhận nợ tại các bút lục 73, 74 và 82); đối với hợp đồng cấp thẻ tín dụng, chủ thẻ là bà Võ Thị Tịnh N đã thực hiện 02 giao dịch với tổng số tiền là 19.500.000đồng (bút lục 68).

[2.4] Trong quá trình trả nợ vay, vợ chồng ông V, bà N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ vay như đã cam kết trong các hợp đồng cho vay và hợp đồng cấp thẻ tín dụng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31-8-2017) thì ông Tạ Ngọc V, bà Võ Thị Tịnh N còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền là 190.395.207đồng, trong đó:

- Khoản nợ theo hợp đồng cho vay số 01/LD1523000219 ngày 18-8-2015 là 124.675.673đồng (gồm: nợ gốc 113.767.563đồng, lãi trong hạn 8.692.667đồng, lãi quá hạn 2.215.443đồng);

- Khoản nợ theo hợp đồng cho vay số 02/LD1523000219 ngày 25-01-2016 là 45.779.579đồng (gồm: nợ gốc 41.660.000đồng, lãi trong hạn 3.385.462đồng, lãi quá hạn 734.117đồng);

- Khoản nợ theo hợp đồng cấp thẻ tín dụng là 19.939.955đồng.

Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu ông Tạ Ngọc V, bà Võ Thị Tịnh N phải trả cho Ngân hàng số tiền trên là có căn cứ, phù hợp với những nội dung mà các bên đã cam kết trong các hợp đồng cho vay, hợp đồng cấp thẻ tín dụng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp và phù hợp với quy định tại các Điều 281, 282, 283, 285, 286, 290, 292 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng và Công văn số 6486/NHNN-CSTT ngày 16/7/2008 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc áp dụng lãi suất đối với khoản nợ gốc quá hạn.

[3] Đối với tài sản thế chấp:

[3.1] Hiệu lực của hợp đồng thế chấp: Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên, ngày 18-8-2015 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh Q và vợ chồng ông Tạ Ngọc V, bà Võ Thị Tịnh N đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1523000219 đối với thửa đất số 1500, tờ bản đồ số 8, diện tích 106,7m², địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 302115, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH06040 ngày 19-12-2014 cho ông Tạ Ngọc V, bà Võ Thị Tịnh N. Việc thế chấp đã được Văn phòng công chứng T chứng nhận ngày 18-8-2015, số công chứng, quyền số 12 TP/CC-SCC/HĐGD,

đồng thời tài sản này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19-8-2015 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, Chi nhánh huyện T. Do đó, hợp đồng thế chấp nêu trên giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh Q với vợ chồng ông Tạ Ngọc V, bà Võ Thị Tịnh N đã có hiệu lực pháp luật.

[3.2] Về xử lý tài sản thế chấp:

Tại Khoản 1 Điều 1 của hợp đồng thế chấp số LD1523000219 ngày 18-8-2015 quy định: *“Nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp đối với bên nhận thế chấp được quy định tại hợp đồng cấp tín dụng số LD1523000219 ký ngày 18-8-2015 giữa bên nhận thế chấp và bên thế chấp, và các văn bản sửa đổi, bổ sung của hợp đồng nêu trên nếu có (sau đây gọi tắt là hợp đồng cấp tín dụng)”*.

Tại mục 5 của hợp đồng cho vay số 01/LD1523000219 ngày 18-8-2015 và tại mục 4 của hợp đồng cho vay số 02/LD1523000219 ngày 25-01-2016 (bút lục 71, 76) quy định: *“Để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (bao gồm trả nợ gốc, lãi và các chi phí có liên quan) của bên vay đối với S, bên vay và/hoặc bên bảo đảm (nếu có) đồng ý sử dụng một hoặc nhiều biện pháp bảo đảm sau: Giá trị tài sản thế chấp là toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số: 1500, tờ bản đồ số 8. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 302115, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH06040 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 19-12-2014, tại Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi”*.

Ngoài ra, tại phần cam kết trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh Q với bà Võ Thị Tịnh N (bút lục 69) có quy định: *“Trường hợp chủ thẻ được đơn vị phát hành thẻ cấp tín dụng dưới bất kỳ hình thức nào (tại bất kỳ thời điểm nào) và có bảo đảm thì nghĩa vụ bảo đảm của tài sản đó đương nhiên bao gồm cả nghĩa vụ thanh toán của chủ thẻ phát sinh trong quá trình sử dụng thẻ”*.

Tại điểm a Khoản 1 Điều 3 của hợp đồng thế chấp số LD1523000219 ngày 18-8-2015 quy định: *“Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nghĩa vụ được quy định tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng này, bao gồm cả trường hợp bên nhận thế chấp thu hồi nợ trước hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng thì TSBĐ được xử lý để thu hồi nợ”*.

Việc các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay, hợp đồng cấp thẻ tín dụng và hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23-5-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thì hiện nay các tài sản thế chấp, gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 1500, tờ bản đồ số 8, địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên như tại thời điểm thế chấp về hiện trạng, diện tích và giới cận. Do đó, nếu ông Tạ Ngọc V, bà Võ Thị Tịnh N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng cho vay số 01/LD1523000219 ngày 18-8-2015, 02/LD1523000219 ngày 25-01-2016 và hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 26-01-2016, thì Ngân hàng Thương mại

Cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (theo hợp đồng thế chấp số LD1523000219 ngày 18-8-2015) để thu hồi nợ.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông Tạ Ngọc V, bà Võ Thị Tịnh N phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã nộp tạm ứng chi phí, xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 2.000.000đồng, đã chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ hết số tiền 1.500.000đồng, đại diện của nguyên đơn đã nhận lại số tiền 500.000đồng nên buộc bị đơn ông Tạ Ngọc V, bà Võ Thị Tịnh N phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 1.500.000đồng.

[5] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc ông Tạ Ngọc V, bà Võ Thị Tịnh N phải chịu 9.519.760đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 40, các điều 147, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 214, 219, 280, 281, 282, 283, 285, 286, 290, 292, 302, 342, 343, 344, 351, 355 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 179 Luật đất đai năm 2013; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc ông Tạ Ngọc V, bà Võ Thị Tịnh N phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền (tạm tính đến ngày 31-8-2017) là 190.395.207đồng (một trăm chín mươi triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm lẻ bảy đồng), trong đó:

- Khoản nợ theo hợp đồng cho vay số 01/LD1523000219 ngày 18-8-2015 là 124.675.673đồng (một trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm bảy mươi ba đồng), gồm: nợ gốc 113.767.563đồng (một trăm mười ba triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng), lãi trong hạn 8.692.667đồng (tám triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), lãi quá hạn 2.215.443đồng (hai triệu hai trăm mười lăm nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng);

- Khoản nợ theo hợp đồng cho vay số 02/LD1523000219 ngày 25-01-2016 là 45.779.579đồng (bốn mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm

bảy mươi chín đồng), gồm: nợ gốc 41.660.000đồng (bốn mươi một triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng), lãi trong hạn 3.385.462đồng (ba triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng), lãi quá hạn 734.117đồng (bảy trăm ba mươi bốn nghìn một trăm mười bảy đồng);

- Nợ cấp thẻ tín dụng là 19.939.955đồng (mười chín triệu chín trăm ba mươi chín nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Tạ Ngọc V, bà Võ Thị Tịnh N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay, hợp đồng cấp thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Trường hợp ông Tạ Ngọc V, bà Võ Thị Tịnh N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (theo hợp đồng thế chấp số LD1523000219 ngày 18-8-2015) để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 355 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Tạ Ngọc V, bà Võ Thị Tịnh N phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ; nếu còn thừa thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S phải trả lại cho ông Tạ Ngọc V, bà Võ Thị Tịnh N.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn ông Tạ Ngọc V, bà Võ Thị Tịnh N phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong nên buộc bị đơn ông Tạ Ngọc V, bà Võ Thị Tịnh N phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

5. Về án phí:

Ông Tạ Ngọc V, bà Võ Thị Tịnh N phải chịu 9.519.760đồng (chín triệu năm trăm mười chín nghìn bảy trăm sáu mươi đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 4.492.805đồng (bốn triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn tám trăm lẻ năm đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2014/0004541 ngày 16-3-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

6. Nguyên đơn và bị đơn bà Võ Thị Tịnh N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Tạ Ngọc V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Q;
- Chi Cục THADS Tp. Q;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong